

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY LIÊN KẾT HOẠT ĐỘNG KH&CN VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

Phạm Xuân Đà, Trần Hà Hoàng Việt, Huỳnh Văn Tùng

Cục Công tác phía Nam, Bộ KH&CN

Trong quá trình thực hiện tăng trưởng kinh tế - xã hội (KT-XH), liên kết vùng cần được coi là phương tiện, là động lực quan trọng nhằm khắc phục không gian kinh tế bị chia cắt bởi địa giới hành chính, phát huy tối đa lợi thế so sánh của cả vùng và của mỗi tỉnh. Đối với hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN), liên kết vùng cần tập trung khai thác các lợi thế và điều kiện đặc thù của từng vùng để đẩy mạnh sản xuất hàng hóa là các sản phẩm chủ lực; đồng thời xây dựng định hướng phát triển KH&CN tạo môi trường hợp tác, liên kết giữa các địa phương. Vấn đề này đòi hỏi phải được quán triệt, chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ, cần có các giải pháp thúc đẩy liên kết hoạt động KH&CN vùng để KH&CN thực sự trở thành động lực phát triển KT-XH của vùng.

Dưới đây là ý kiến cụ thể của các tác giả trong việc thúc đẩy mối liên kết hoạt động KH&CN ở vùng kinh tế lớn nhất của cả nước - Vùng Đông Nam Bộ (ĐNB).

ĐNB là một vùng công nghiệp trọng yếu, lớn nhất của cả nước, đã hình thành và liên kết mạng lưới các khu công nghiệp tập trung, phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, có hệ thống kết cấu hạ tầng khá đồng bộ, tập trung các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, nguồn nhân lực dồi dào và có kỹ năng, do đó Vùng ĐNB là địa bàn có môi trường đầu tư hấp dẫn và nổi trội hơn một số vùng trong cả nước. Các tỉnh/thành phố trong vùng đã duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, vượt trội so với mức bình quân chung của cả nước. Giai đoạn 2010-2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế của toàn vùng đạt khoảng

7,9%/năm¹. Đồng thời, Vùng ĐNB có đặc điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và có các lợi thế, tiềm năng, thế mạnh để phát triển KT-XH như: Công nghiệp chế biến thực phẩm, cơ khí chính xác, điện tử - tin học, sản xuất các thiết bị tự động hóa, thiết bị y tế, năng lượng, sản xuất vật liệu mới, phát triển các ngành công nghiệp đóng tàu, dầu khí, công nghiệp phần mềm, phát triển nông nghiệp công nghệ cao..., cũng như việc giải quyết những vấn đề về ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững nên ĐNB cần phải tăng

cường liên kết hợp tác hoạt động KH&CN giữa các địa phương nội vùng, ngoài vùng và giữa Trung ương với địa phương nhằm phục vụ phát triển bền vững vùng.

Những nội dung cơ bản trong hoạt động KH&CN Vùng ĐNB thời gian qua

Trong 5 năm qua, các địa phương trong vùng tiếp tục phát triển một số ngành công nghiệp chủ lực như điện - điện tử; khai thác dầu khí, sản xuất điện, phân bón, hóa chất, công nghiệp dược phẩm; công nghệ thông tin, phần mềm; cơ khí chế tạo; công nghiệp chế biến; may mặc... Các địa phương trong vùng bước đầu đã có sự chuyển dần sang các ngành công nghiệp có công nghệ và kỹ thuật cao, giá trị gia tăng lớn, tham gia tích cực vào mạng

¹Tổng hợp tình hình KT-XH từ báo cáo của các Sở KH&CN các tỉnh/thành phố ĐNB tháng 8/2017.

lưới sản xuất của khu vực và thế giới. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng giữ ổn định, quá trình tăng trưởng kinh tế của vùng ngày càng chuyển dịch từ chiều rộng sang chiều sâu theo hướng nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, chất lượng nguồn nhân lực và năng suất các yếu tố tổng hợp nhằm tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Tình hình triển khai nhiệm vụ KH&CN các cấp của vùng

Theo báo cáo của các Sở KH&CN trong Vùng ĐNB, giai đoạn 2011-2016 đã có hơn 1.380 nhiệm vụ KH&CN các cấp được triển khai. Các nhiệm vụ KH&CN theo hướng ứng dụng là chính, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn để giải quyết nhiệm vụ bức xúc của ngành, địa phương và doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả quản lý trong các lĩnh vực văn hóa - xã hội; giáo dục - đào tạo; y, dược; công nghiệp; nông nghiệp; tài nguyên - môi trường và công nghệ thông tin.

Trong bối cảnh hoạt động KH&CN chưa được xã hội hoá, thì nguồn vốn đầu tư từ ngân sách cho KH&CN vẫn đóng vai trò chủ lực. Với mức đầu tư thấp như hiện nay, KH&CN Vùng ĐNB khó có thể đáp ứng được những yêu cầu do thực tiễn đặt ra, nhất là hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (chiếm hơn 95%) để nâng cao năng lực cạnh tranh. Vì vậy, thực hiện liên kết vùng trong việc triển khai nhiệm vụ KH&CN là rất cần thiết.

Về triển khai các chương trình KH&CN

Hiện nay, tại Vùng ĐNB hầu hết các chương trình KH&CN đã được triển khai thực hiện dưới các hình thức cụ thể hóa các cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng, tập trung hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường hoạt động KH&CN như: Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động KH&CN; Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ; Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp nhỏ và vừa; Chương trình phát triển thị trường KH&CN. Riêng với TP Hồ Chí Minh còn tập trung vào 5 chương trình trọng điểm: Chương trình cơ khí và tự động hóa; Chương trình điện - điện tử và công nghệ thông tin; Chương trình hóa dược, công nghệ thực phẩm và công nghệ vật liệu; Chương trình công nghệ sinh học; Chương trình quản lý và phát triển đô thị và các lĩnh vực KH&CN khác.

Về chương trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) và phát triển doanh nghiệp, hầu hết các địa phương trong vùng chỉ mới ban hành các văn bản hướng dẫn, phát động phong trào khởi nghiệp, dự thảo các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Riêng TP Hồ Chí Minh đã có những bước phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST khởi sắc hơn.

Về phát triển doanh nghiệp KH&CN, hiện nay, Vùng ĐNB cũng chỉ có hơn 40 doanh nghiệp KH&CN được cấp giấy chứng nhận, trên 300 doanh nghiệp đã đăng ký hoạt động trong lĩnh vực KH&CN (chủ yếu là dịch vụ KH&CN).

Thực trạng liên kết hoạt động KH&CN Vùng ĐNB trong thời gian qua

Những kết quả đã đạt được

Trong thực tiễn, những năm qua các Sở KH&CN Vùng ĐNB đã có một số hoạt động liên kết, hợp tác trong công tác quản lý và triển khai hoạt động KH&CN trong vùng, như:

- Tỉnh Đồng Nai đã ký kết thỏa thuận hợp tác với 3 trường đại học trên địa bàn TP Hồ Chí Minh (Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Trường Đại học Nông lâm) về hợp tác phát triển KH&CN tỉnh Đồng Nai đến năm 2020; phối hợp xây dựng áp dụng tiêu chuẩn VietGAP trong chăn nuôi để cung cấp sản phẩm cho thị trường TP Hồ Chí Minh, tạo chuỗi liên kết trong thực hiện Đề án “Chuỗi thực phẩm an toàn”.

- Sở KH&CN Bà Rịa - Vũng Tàu cũng đã trao đổi, học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với TP Hồ Chí Minh trong ứng dụng tiến bộ KH&CN như cử cán bộ, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ thuật sản xuất một số loại rau, hoa trong nhà màng với Khu nông nghiệp công nghệ cao TP Hồ Chí Minh; Sàn giao dịch công nghệ trực tuyến tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã phối hợp với Cổng thông tin giao dịch TP Hồ Chí Minh chuyển tải thông tin về đề tài, giải pháp, công nghệ - thiết bị...

- Sở KH&CN Bình Dương cũng trao đổi, tham khảo, học tập kinh nghiệm của Sở KH&CN TP Hồ Chí Minh về quản lý nhà nước trong một số lĩnh vực hoạt động KH&CN, như xây dựng định hướng nghiên cứu khoa học và

phát triển công nghệ, ký kết hợp tác khai thác, chia sẻ nguồn lực thông tin, thị trường KH&CN.

Những mặt chưa được

Mặc dù liên kết Vùng ĐNB bước đầu đã có những kết quả đáng ghi nhận nhưng cho đến nay, về mặt lý luận cũng như thực tiễn gần như vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào một cách bài bản về hoạt động này.

- Trong số các lĩnh vực đã liên kết nêu trên, nội dung liên kết về mặt thể chế cũng được đánh giá là một trong những nội dung liên kết chưa được đề cập.

- Lĩnh vực liên kết về nguồn lực nghiên cứu phát triển công nghệ để giải quyết các vấn đề KT-XH của vùng còn hạn chế, đặc biệt trong việc tạo ra các sản phẩm thế mạnh của vùng, các giải pháp công nghệ, tăng cường kết nối vùng.

- Việc phối hợp của các tỉnh để tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý các lĩnh vực KH&CN có liên quan đến toàn vùng, như tiêu chuẩn đo lường chất lượng; thông tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT); sở hữu trí tuệ (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu...); chuyển giao công nghệ và quản lý công nghệ... chưa được quan tâm.

- Hoạt động liên kết vùng trong hình thành chuỗi phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế chưa được chú ý đến, nhất là việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, các công nghệ tiên tiến phù hợp với sản xuất và chế biến sản phẩm của vùng.

- Việc chia sẻ kết quả nghiên cứu, sáng chế, công nghệ, đầu tư

nghiên cứu và phát triển giữa các tỉnh còn hạn chế. Chưa có quy chế chia sẻ, sử dụng hiệu quả kết quả nghiên cứu, phối hợp nghiên cứu giữa các tỉnh trong vùng.

Nhìn chung, liên kết vùng về hoạt động KH&CN giữa các địa phương Vùng ĐNB còn mang tính hình thức, chưa có cơ quan điều phối quản lý, chưa có sự gắn kết, đặc biệt là thiếu cơ chế chỉ đạo, sự chia sẻ đồng bộ, đã làm cho các cam kết trở lên mờ nhạt khi thực thi.

Giải pháp thúc đẩy liên kết hoạt động KH&CN Vùng ĐNB

Các nội dung hoạt động KH&CN cần hướng đến việc liên kết vùng

Liên kết trong đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN: TP Hồ Chí Minh, ngoài phục vụ thành phố còn cần hỗ trợ cho các địa phương trong vùng phục vụ công tác quản lý đo lường, chất lượng và các dịch vụ phân tích kiểm nghiệm, vệ sinh an toàn thực phẩm các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của các địa phương trong vùng, nhất là sản phẩm xuất khẩu. Các trường đại học, viện nghiên cứu trong vùng cần liên kết xây dựng mạng lưới nghiên cứu thực nghiệm ở các địa phương theo chức năng của đơn vị và nhu cầu thực tế của các địa phương.

Liên kết và phối hợp trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng: Kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có; phối hợp quản lý và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN và ứng dụng các kết quả nghiên cứu, bao gồm cả việc chia sẻ hay sử dụng các kết quả nghiên cứu của nhau để ứng dụng hoặc nghiên cứu phát

triển tạo chuỗi giá trị phù hợp với điều kiện thực tế của vùng.

Liên kết khởi nghiệp ĐMST: Phát triển năng lực ĐMST, thúc đẩy liên kết cộng đồng khởi nghiệp. Các doanh nghiệp ĐMST là lực lượng trung tâm được hỗ trợ hình thành và phát triển trong một hệ sinh thái khởi nghiệp lành mạnh. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST là một biện pháp đẩy mạnh phát triển thị trường KH&CN, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến chuyển giao công nghệ.

Liên kết công tác quản lý một số lĩnh vực KH&CN có tính chất đặc thù của vùng: Quản lý sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, phát triển thị trường công nghệ.

Liên kết và phối hợp thông tin, truyền thông hoạt động KH&CN: Xây dựng trang thông tin KH&CN của vùng. Thu thập thông tin về nguồn cung và nhu cầu công nghệ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân... thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ; thông tin về các hoạt động hợp tác đầu tư (các chương trình, dự án liên kết kêu gọi đầu tư; số liệu về đầu tư nước ngoài, đầu tư từ các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, trong và ngoài vùng...).

Các giải pháp thúc đẩy hoạt động liên kết vùng

Trên cơ sở tình hình hoạt động KH&CN Vùng ĐNB và thực trạng về liên kết vùng trong thời gian qua, để thúc đẩy liên kết hoạt động KH&CN vùng hiệu quả, mở rộng quan hệ hợp tác giữa các địa phương cũng như khai thác tiềm năng của từng tỉnh/thành phố trong Vùng ĐNB, trước mắt



cần có các giải pháp:

Xây dựng cơ chế hợp tác tăng cường liên kết hoạt động KH&CN của vùng trên cơ sở phát huy lợi thế cạnh tranh của mỗi tỉnh và toàn vùng:

- Xây dựng bộ khung pháp lý làm nền tảng về liên kết vùng kinh tế, đây là khâu quan trọng nhằm đảm bảo hiệu quả trong tổ chức thực thi chính sách.

- Cần xây dựng Quy chế thí điểm liên kết Vùng ĐNB để trình lãnh đạo các tỉnh phê duyệt. Quy chế cần tập trung vào các vấn đề như liên kết trong hoạt động nghiên cứu và phát triển để tạo ra chuỗi giá trị sản xuất và sản phẩm phù hợp với đặc thù và thế mạnh của vùng; liên kết trong việc thực hiện tốt công tác quản lý các lĩnh vực KH&CN (sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, về đổi mới công nghệ, khởi nghiệp ĐMST và phát triển thị trường công nghệ).

- Đổi mới cơ chế xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách đối với hoạt động KH&CN phù hợp với đặc thù của lĩnh vực KH&CN và nhu cầu phát triển của vùng bảo đảm đồng bộ, gắn kết giữa định hướng phát triển dài hạn, chương trình phát triển trung hạn với kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng KH&CN hàng năm.

Xây dựng mô hình liên kết trong hoạt động nghiên cứu và phát triển để tạo ra chuỗi giá trị sản xuất và sản phẩm phù hợp với đặc thù và thế mạnh của Vùng ĐNB, đảm bảo tính liên kết vùng, liên kết giữa các chủ thể xã hội và khả năng hội nhập quốc tế:

- Đề xuất Chương trình các vấn đề KH&CN trọng điểm của vùng: Để triển khai tốt thì phải có sự phối hợp nguồn lực KH&CN của các địa phương trong vùng với Chương trình trong việc triển khai các nhiệm vụ KH&CN và quản lý hoạt động R&D của Chương trình. Các tiêu chí chọn lựa nội

dung của Chương trình gồm: Các vấn đề KH&CN cần được nghiên cứu và điều phối cấp vùng; các vấn đề liên quan đến phát triển KT-XH giữa các tỉnh trong vùng hoặc trong tiểu vùng, đòi hỏi có sự nghiên cứu và phối hợp triển khai liên tỉnh; các vấn đề mang tính kế thừa và liên tục đối với các chương trình, đề tài, đề án các cấp đã thực hiện trên địa bàn.

- Nghiên cứu thành lập Quỹ Phát triển vùng để triển khai đồng bộ các dự án mang tính liên vùng, liên tỉnh. Quỹ Phát triển vùng với nhiệm vụ huy động nguồn tài chính đầu tư cho các chương trình, dự án có tính chất vùng, vì sự phát triển chung của vùng.

- Phối hợp trong công tác quản lý các nhiệm vụ KH&CN và ứng dụng kết quả nghiên cứu, các thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống, có cơ chế tiếp nhận kết quả, ứng dụng, nhân rộng sản phẩm KH&CN của các chương trình.

Liên kết xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST Vùng ĐNB:

- Thành lập ban điều phối chung để xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với các cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp ĐMST; các doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST và các tổ chức, quỹ đầu tư, các tổ chức cung cấp dịch vụ cho hoạt động khởi nghiệp ĐMST trong vùng. Đồng thời kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST của các trường đại học, thành phần hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST với hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST ở các tỉnh/thành phố trong vùng.

- Hình thành “ngân hàng” tiếp nhận các ý tưởng, đề xuất khởi

ngành và đơn đặt hàng chung của các tỉnh trong vùng, trên cơ sở đó hình thành các vấn đề chung của vùng để xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp phù hợp phát triển các dự án khởi nghiệp ĐMST của vùng.

- Xây dựng Cổng thông tin khởi nghiệp ĐMST, định kỳ hàng năm tổ chức Ngày hội khởi nghiệp ĐMST.

Thực hiện tốt công tác quản lý một số lĩnh vực KH&CN có tính chất đặc thù của vùng:

- Tăng cường công tác quản lý về đảm bảo thực thi quyền sở hữu trí tuệ: Thông tin về tình trạng vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ của hàng hóa đang lưu thông phổ biến trên thị trường các địa phương trong vùng phục vụ cho việc kiểm tra và xử lý vi phạm.

- Về quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất và lưu thông trên thị trường: Cập nhật, chia sẻ và trao đổi các thông tin về các tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế và quy chuẩn Việt Nam, các phương pháp thử, chuyên gia...; kiểm tra về lo lường, chất lượng và đấu tranh chống hàng giả, hàng lậu, gian lận thương mại, nhất là các mặt hàng như xăng dầu, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em, điện - điện tử...

- Về quản lý công nghệ và phát triển thị trường công nghệ: Tổ chức các chợ thiết bị và công nghệ (Techmart) vùng, các sự kiện kết nối cung - cầu công nghệ vùng; thiết lập cơ chế liên kết hợp tác phát triển giữa các tổ chức xúc tiến giao dịch kết nối mua - bán công nghệ và thiết bị,

các tổ chức này phải trở thành lực lượng cung ứng các dịch vụ uy tín, tin cậy và chuyên nghiệp tại TP Hồ Chí Minh và các tỉnh trong vùng; tổ chức Sàn giao dịch công nghệ xúc tiến kết nối giao dịch mua - bán công nghệ và thiết bị, là đầu mối tập hợp, quy tụ các tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ KH&CN tại các tỉnh trong vùng; hình thành được hệ thống mạng lưới dịch vụ, chuỗi dịch vụ về chuyển giao công nghệ, giúp cho các doanh nghiệp tìm kiếm công nghệ để chuyển giao vào sản xuất, kết nối hợp tác chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp; phối hợp tổ chức các Hội thi sáng tạo kỹ thuật vùng trên cơ sở tuyển chọn từ các sáng chế, giải pháp kỹ thuật trong các Hội thi sáng tạo kỹ thuật của các tỉnh/thành phố.

Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và chuyển giao cơ sở dữ liệu cho Vùng ĐNB bằng các phần mềm tiên tiến, để truy cập phục vụ công tác quản lý điều hành của lãnh đạo các cấp:

- Các Sở KH&CN phối hợp với các cơ quan truyền thông Trung ương và địa phương trong hoạt động thông tin và truyền thông KH&CN, phối hợp giữa các Sở KH&CN trong việc tổ chức các hội thảo giới thiệu, phổ biến các kết quả nghiên cứu, các thành tựu KH&CN để đưa vào ứng dụng phục vụ phát triển KT-XH...

- Hình thành dự án kết nối thông tin hoạt động KH&CN Vùng ĐNB, có thể sử dụng những kết quả đã nghiên cứu trước đây để triển khai.

- Tăng cường đầu tư tiềm lực, liên kết các trung tâm KH&CN để phối hợp sử dụng có hiệu quả

các nguồn lực về cơ sở vật chất kỹ thuật và nhân lực ở từng địa phương và toàn vùng. Mỗi địa phương cần tính toán về khả năng đầu tư và thế mạnh của mình để có thể hợp tác với các tỉnh/thành phố trong vùng nhằm khai thác thế mạnh về các phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và các dịch vụ, hợp tác với các mô hình OpenLab.

Nhiệm vụ R&D cần quan tâm trước mắt để giải quyết vấn đề vùng nhằm tăng cường vai trò thúc đẩy hoạt động KH&CN:

- Nghiên cứu ứng dụng KH&CN phòng chống, bảo tồn và phát triển các vùng ngập mặn, khu dự trữ sinh quyển, phục vụ phát triển kinh tế bền vững cho vùng ĐNB ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu xây dựng Chương trình liên kết giữa các Sở trong một số nội dung trọng tâm như phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử, tin học, các ngành công nghiệp hỗ trợ, chế biến - chế tạo, công nghệ sinh học trong nông nghiệp. Phát triển ngành nông nghiệp gắn liền với công nghiệp chế biến để hình thành chuỗi nông nghiệp thực phẩm khép kín, hiện đại.

- Hình thành và phát triển sản xuất một số sản phẩm chủ lực của vùng, xác định rõ vai trò, vị thế của KH&CN trong từng công đoạn sản phẩm thông qua các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ chuyên gia, vốn, chuyển giao công nghệ, xây dựng và phát triển các tài sản trí tuệ